

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm hàng hóa, dịch vụ năm 2025 (đợt 2).
- Tên gói thầu: “Gói KH2-H10: Vật tư, linh kiện thay thế cho thiết bị hãng Waters”.
- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 4 (271 Tô Ngọc Vân, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

TT	Yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp: Đáp ứng đúng yêu cầu tại Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (webform trên Hệ thống) - Chương IV của E-HSMT	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Hàng hóa: Đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật cụ thể tại điểm b, khoản 1.2, Mục 1 Chương V của E-HSMT	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Giải pháp kỹ thuật, khả năng và biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá	Đáp ứng	Không đáp ứng
3.1	Giải pháp kỹ thuật: Thông báo cho Chủ đầu tư về tiến độ giao hàng, điều kiện bảo quản hàng hóa, lưu kho lại những hàng hóa khi Chủ đầu tư có yêu cầu	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
3.2	Khả năng cung cấp hàng hóa: Cam kết đảm bảo cung cấp được các loại hàng hóa	Cung cấp giấy cam kết đáp	Không cung cấp giấy cam

TT	Yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	theo yêu cầu tại Điểm 3.3 của Bảng này và Bảng 1A- Phạm vi cung cấp hàng hóa. Thời gian bắt đầu giao hàng không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Hàng hóa được giao theo từng đợt với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ thông báo số lượng cụ thể trước 48 giờ bằng điện thoại/email.	ứng yêu cầu của E-HSMT	kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
3.3	Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa: Có quy trình chi tiết về chuyên giao hàng hoá: Thông báo -> Phối hợp kiểm tra -> Bàn giao -> Nghiệm thu.	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
4	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo chất lượng hàng hoá	Đáp ứng	Không đáp ứng
4.1	Đảm bảo tính an toàn và nguyên vẹn hàng hóa: Hàng hoá phải còn mới 100%, nguyên seal niêm phong, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất khi bàn giao.	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
4.2	Đảm bảo chất lượng hàng hoá sau giao nhận tại phòng kiểm nghiệm: - Hàng hóa sẽ được Chủ đầu tư với các bên liên quan kiểm tra bằng các cách thức thích hợp (hàng hóa phải còn nguyên đai, nguyên kiện, nguyên seal). - Toàn bộ hàng hóa cung cấp phải được lắp đặt vào thiết bị hiện có của Chủ đầu tư (LC-MS/MS, HPLC hãng Waters). Hệ thống sau khi lắp đặt phải đảm bảo hoạt động ổn định. - Trước và sau khi lắp đặt phải có biên bản kiểm tra tình trạng hệ thống hiện tại đang sử dụng theo đúng quy trình của hãng sản xuất thiết bị.	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT

TT	Yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	<p>- Trường hợp sau khi lắp đặt linh kiện thiết bị vào làm hư hỏng ảnh hưởng đến hệ thống của Chủ đầu tư, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm cũng như chi phí để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.</p> <p>- Cho đổi trả và cung cấp lại hàng thay thế trong trường hợp khi sử dụng phát hiện hàng hóa bị lỗi, không đúng quy cách... (không đạt chất lượng theo như công bố của hãng sản xuất và yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT này).</p>		
4.3	<p>Cam kết về hạn sử dụng của sản phẩm:</p> <p>- Đối với hàng hóa có hạn sử dụng: Tối thiểu phải bằng 2/3 hạn sử dụng do hãng sản xuất công bố hoặc \geq 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu tại phòng thử nghiệm của Chủ đầu tư.</p> <p>- Đối với hàng hóa không có hạn sử dụng: Hàng hoá phải còn mới 100%, nguyên seal niêm phong.</p>	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
4.4	<p>Hỗ trợ kỹ thuật:</p> <p>- Có cam kết hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình sử dụng hàng hóa.</p>	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
5.	Uy tín của nhà thầu	Đáp ứng	Không đáp ứng
5.1	Không có trường hợp không thương thảo hợp đồng hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng.	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
5.2	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu trong vòng 3 năm kể từ thời điểm đóng thầu.	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp

TT	Yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
			ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
6	Tài liệu kỹ thuật đi kèm	Đáp ứng	Không đáp ứng
6.1	Cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến hàng hóa (CO, CQ...) nếu có khi giao hàng.	Cung cấp giấy cam kết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không cung cấp giấy cam kết/Cung cấp nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu E-HSMT
	Kết luận		

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

➤ Tiêu chuẩn đánh giá đặc tính thông số kỹ thuật chung của hàng hóa được đánh giá theo tiêu chí “**đạt**”/“**không đạt**”

- Đánh giá “**đạt**”: Khi tất cả các hạng mục hàng hóa được đánh giá là “**đạt**”.

- Đánh giá “**không đạt**”: Khi có 01 (một) trong các hạng mục hàng hóa được đánh giá là “**không đạt**”.

➤ Tiêu chuẩn đánh giá đặc tính thông số kỹ thuật của mỗi hạng mục hàng hóa được đánh giá theo tiêu chí “**đạt**”/“**không đạt**”

- Đánh giá là “**đạt**”: Khi tại các mục đánh giá chi tiết đặc tính thông số kỹ thuật của từng hạng mục cho hàng hóa đó được đánh giá là “**đạt**” hoặc “**chấp nhận được**” (nếu có mục “**chấp nhận được**” không quá 30%/tổng các mục chi tiết đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hóa đó).

- Đánh giá là “**không đạt**”: Khi 01 (một) trong các mục đánh giá chi tiết đặc tính thông số kỹ thuật của từng hạng mục cho hàng hóa đó được đánh giá là “**không đạt**” hoặc “**chấp nhận được**” (nếu có mục “**chấp nhận được**” vượt quá 30%/tổng các mục chi tiết đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hóa đó).

➤ Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết đặc tính thông số kỹ thuật của từng hạng mục cho 01 hàng hóa được đánh giá theo tiêu chí “**đạt**”/“**không đạt**”/“**chấp nhận được**”

- Đánh giá “**đạt**”: Khi thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng bằng hoặc tốt hơn yêu cầu của E-HSMT.

- Đánh giá “**chấp nhận được**”: Khi hàng hóa chào thầu đáp ứng thấp hơn yêu cầu của E-HSMT nhưng không ảnh hưởng đến tính chất của hàng hóa

- Đánh giá “**không đạt**”: Khi hàng hóa chào thầu không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

STT	Yêu cầu kỹ thuật Hàng hóa	Đánh giá		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
1	Frit, 0.2 μm, 2.1 mm, 12/pk Hoặc tương đương với Frit, 0.2 μm, 2.1 mm, 12/pk, 700005698, Waters với các yêu cầu sau:			
1.1	- Quy cách: 12 cái/bịch			
1.2	- Kích thước lỗ lọc: 0.2μm, 2.1mm			
1.3	- Chất liệu: thép không rỉ			
1.4	- Tương thích với hệ thống UPLC			
1.5	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
2	Xevo TQ-S Micro PM kit (Rotary Pump) Hoặc tương đương với Xevo TQ-S Micro (Rotary) Performance Maintenance Kit, 201000294, Waters với các yêu cầu sau:			
2.1	- Tương thích với đầu dò TQ-S Micro			
2.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
3	Kit, TXT Needle FTN-15μL SS w/guide&seat Hoặc tương đương với Kit, Textured Needle FTN-15μL SS w/guide and seat, 700011628, Waters với các yêu cầu sau:			
3.1	- Tương thích với hệ thống UPLC			
3.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
4	Micro Pirani Gauge Hoặc tương đương với Micro Pirani Gauge, 700009042, Waters với các yêu cầu sau:			
4.1	- Tương thích với hệ thống UPLC (HPLC)			
4.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
5	UPLC Actuator, without check valve			

STT	Yêu cầu kỹ thuật Hàng hóa	Đánh giá		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	Hoặc tương đương với UPLC Actuator, without check valve, 700002985, Waters với các yêu cầu sau:			
5.1	- Tương thích với hệ thống UPLC (HPLC)			
5.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
6	FUSE 7A SMD Hoặc tương đương với FUSE 7A SMD, WAT290188, Waters với các yêu cầu sau:			
6.1	- Loại: 7A			
6.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
7	FUSE 10A 125VDC 125VAC 6X2 7MM Hoặc tương đương với FUSE 10A 125VDC 125VAC 6X27MM, 700010536, Waters với các yêu cầu sau:			
7.1	- Loại: 10A			
7.2	- Kích thước: 6x27 mm			
7.3	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
8	CARTRIDGE HEATER FOR CERAMIC BLOCK Hoặc tương đương với CARTRIDGE HEATER FOR CERAMIC BLOCK, 700005347, Waters với các yêu cầu sau:			
8.1	- Tương thích với hệ thống Xevo TQ-S micro			
8.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
9	ION BLOCK SUPPORT ASSEMBLY Hoặc tương đương với ION BLOCK SUPPORT ASSEMBLY, 700010294, Waters với các yêu cầu sau:			
9.1	- Tương thích với hệ thống Xevo TQ-S micro			

STT	Yêu cầu kỹ thuật Hàng hóa	Đánh giá		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
9.3	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
10	PDA Detector Performance Maintenance Kit Hoặc tương đương với PDA Detector Performance Maintenance Kit, WAT052586, Waters với các yêu cầu sau:			
10.1	- Tương thích với hệ thống HPLC đầu dò PDA			
10.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
11	O-RING, 2-016, PTFE Hoặc tương đương với O-RING, 2-016, PTFE, WAT076152, Waters với các yêu cầu sau:			
11.1	- Chất liệu: PTFE (Polytetrafluoroethylene)			
11.2	- Đường kính trong: 0.614 mm			
11.3	- Độ dày: 0.7 inch			
11.4	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
12	CARTRIDGE, ROTARY SHEAR, SS Hoặc tương đương với CARTRIDGE, ROTARY SHEAR, SS, 700005438, Waters với các yêu cầu sau:			
12.1	- Chất liệu: thép không gỉ			
12.2	- Tương thích với hệ thống UPLC			
12.3	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
13	FERRULE, SET, .062, TWO-PIECE, PKG 10' Hoặc tương đương với FERRULE, SET, .062, TWO-PIECE, PKG 10, 700002635, Waters với các yêu cầu sau:			
13.1	- Quy cách: 10 cái/bịch			
13.2	- Đường kính trong: 1.5875 mm			
13.3	- Tương thích với hệ thống UPLC, HPLC			
13.4	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà			

STT	Yêu cầu kỹ thuật Hàng hóa	Đánh giá		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
14	SCR, COMP, 10-32, 304SS, GOLD, LG, PKG 10 Hoặc tương đương với SCR,COMP,10-32, 304SS, GOLD,LG, PKG 10, 700002645, Waters với các yêu cầu sau:			
14.1	- Quy cách: 10 cái/bịch			
14.2	- Loại 10-32 hoặc tương đương			
14.3	- Tương thích với hệ thống UPLC, HPLC			
14.4	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
15	Manifold, Gas Inlet Hoặc tương đương với Manifold, Gas Inlet, 700005875, Waters với các yêu cầu sau:			
15.1	- Sử dụng cho đường ống khí			
15.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
16	Gas Supply Line Assembly Hoặc tương đương với Gas Supply Line Assembly, 700008839, Waters với các yêu cầu sau:			
16.1	- Sử dụng cho đường ống khí			
16.2	- Thông số kỹ thuật hoặc thông tin của hàng hóa được đăng trên website chính thức của Hãng (nhà thầu cũng cấp đường dẫn trang Web) hoặc có giấy chứng nhận CoA (Certificates of analysis) hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo.			
	Kết luận	Đạt/ không đạt		

* Ghi chú:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT;

- Trường hợp Nhà thầu chào hàng hoá với tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu cần cung cấp nghiên cứu, trích dẫn nguồn (VD website) tham chiếu của tài liệu nghiên cứu hoặc xác nhận của Cơ quan, tổ chức đánh giá độc lập và thuyết minh tính ưu việt, tốt hơn tương ứng.

1.3. Các yêu cầu khác: Không áp dụng

Mục 2. Bản vẽ: Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm sau bán hàng, kiểm tra nghiệm thu:

- Dịch vụ sau bán hàng: Cho đổi trả và cung cấp lại hàng thay thế (mới 100%) trong trường hợp khi sử dụng phát hiện hàng hóa bị lỗi (không đúng quy cách thông số kỹ thuật, quy cách bao gói hoặc kết quả thử nghiệm không đạt các thông số công bố của Nhà sản xuất và theo yêu cầu của E-HSMT...).

- Yêu cầu về kiểm tra nghiệm thu: Hàng hóa sẽ được chủ đầu tư và các bên liên quan kiểm tra bằng các cách thức thích hợp (Hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện, có đầy đủ chứng từ kèm theo ..., kiểm tra số lượng, kiểm tra các thông số kỹ thuật chính của hàng hóa theo bảng yêu cầu chi tiết kỹ thuật của E-HSMT và của hợp đồng...) khi giao nhận tại địa điểm do bên sử dụng đề xuất. Trường hợp phát hiện ra bất cứ sự mất mát hư hỏng, không đúng chủng loại, chất lượng, quy cách hai bên phải lập biên bản. Khi đó, chủ đầu tư có quyền từ chối không nhận hàng. Nhà thầu phải thực hiện việc đổi, sửa chữa, bổ sung các khiếm khuyết này chậm nhất trong vòng 48 giờ và phải chịu mọi chi phí cho việc cung cấp hàng thay thế, sửa chữa các sai sót phát sinh.